

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ HOÀN THÀNH HỒ SƠ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI NGÀY 19.10.2025

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
1	411210615	Võ Thị Tường Vi	Nữ	15/06/2003	21CNACLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
2	416220096	Trần Nguyễn Bảo Trân	Nữ	24/10/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
3	411210349	Nguyễn Phương My	Nữ	28/02/2003	21CNA06	Bậc 2 (A2) Hàn
4	416220094	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	09/02/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
5	411210508	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	09/07/2003	21CNA10	Bậc 2 (A2) Hàn
6	414210077	Châu Trần Gia Trang	Nữ	12/11/2003	21CNNDL01	Bậc 2 (A2) Hàn
7	411210327	Hoàng Thị Tuyết Trinh	Nữ	16/03/2003	21CNA05	Bậc 2 (A2) Hàn
8	411210470	Trần Hà Lan	Nữ	04/02/2003	21CNA09	Bậc 2 (A2) Hàn
9	412200212	Trịnh Thị Diệu Hòa	Nữ	27/02/2002	20CNATM03	Bậc 2 (A2) Hàn
1	411230615	Lê Hồng Ánh	Nữ	22/03/2005	23CNATT01	Bậc 3 (B1) Hàn
2	412220077	Ngô Thị Cẩm Tú	Nữ	17/03/2004	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn
3	411230466	Nguyễn Linh Đan	Nữ	02/08/2005	23CNA12	Bậc 3 (B1) Hàn
4	412230078	Nguyễn Bình Phương Uyên	Nữ	08/03/2005	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn
5	412220097	Hoàng Anh Thy	Nữ	09/10/2004	22CNADLCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn
6	411220071	Nguyễn Thị Thương	Nữ	16/07/2004	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn
7	411220232	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	18/07/2004	22CNA07	Bậc 3 (B1) Hàn
8	412220247	Nguyễn Thị Thu Huệ	Nữ	14/09/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
9	412220264	Phạm Đoàn Minh Thư	Nữ	11/06/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
1	417210145	Hoàng Thị Quỳnh Trang	Nữ	24/06/2003	21CNH02	Bậc 4 (B2) Hàn
2	417210174	Huỳnh Trần Quỳnh Như	Nữ	10/01/2003	21CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn
3	417200286	Trương Vi Tuyết	Nữ	28/03/2002	21CNH02	Bậc 4 (B2) Hàn
1	412220069	Trần Thị Minh Thư	Nữ	24/01/2004	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Nhật
2	411220045	Võ Quang Dự	Nam	12/08/2004	22CNA02	Bậc 3 (B1) Nhật
1	417210010	Trần Thị Thúy Hà	Nữ	15/01/2003	21CNJ01	Bậc 4 (B2) Nhật
2	417210016	Trần Phương Lam	Nữ	09/10/2003	21CNJ01	Bậc 4 (B2) Nhật
3	417210062	Trần Võ Lam Phương	Nữ	12/04/2003	21CNJ02	Bậc 4 (B2) Nhật
4	417200087	Nguyễn Thị Lộc	Nữ	01/07/2002	20CNJ03	Bậc 4 (B2) Nhật

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
1	417210210	Hoàng Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	15/08/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
2	417210202	Lê Bùi Thị Ý Nhi	Nữ	17/02/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
3	417210188	Đặng Thị Bảo Châu	Nữ	11/11/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
4	417210192	Phan Thị Thu Hậu	Nữ	24/03/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
5	417210207	Lê Thị Hồng Quyên	Nữ	02/01/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
6	417210187	Nguyễn Lê Kiều Anh	Nữ	27/10/2003	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
7	417200057	Trần Thị Hà Yên	Nữ	21/01/2002	20CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
8	417200042	Đoàn Thị Khánh Ly	Nữ	06/05/2002	20CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
9	417190077	Nguyễn Thị Hồng Anh	Nữ	30/04/2001	19CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
1	412220005	Trương Nguyễn Tiến Đạt	Nam	02/07/2004	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Pháp
2	412220016	Trương Thị Bảo Ngân	Nữ	17/07/2004	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Pháp
1	413210096	Lê Thảo My	Nữ	19/04/2003	21CNPTTSK01	Bậc 4 (B2) Pháp
2	413210054	Võ Luyn Na	Nữ	11/10/2003	21CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp
3	412220146	Nguyễn Quảng An	Nữ	01/09/2004	22CNATM02	Bậc 4 (B2) Pháp
4	413210047	Lê Thị Vân Anh	Nữ	13/11/2003	21CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp
1	413220014	Trương Thị Diệu Linh	Nữ	25/11/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp
2	419220046	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	16/05/2004	22SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
3	413220015	Dương Khánh Linh	Nữ	02/09/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp
4	413220060	Đặng Thị Phương Anh	Nữ	04/01/2004	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp
5	419220053	Trần Tiểu Ny	Nữ	30/04/2004	22SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
1	417220276	Phan Thị Khánh Hòa	Nữ	17/06/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
2	417220269	Trương Đỗ Thanh Bình	Nữ	07/04/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
3	417220286	Trần Thị Ánh Sương	Nữ	18/10/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
4	417220272	Phạm Thị Minh Châu	Nữ	22/01/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
5	417220280	Lê Thị Bích Nga	Nữ	26/11/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
6	417220274	Phùng Ngọc Hà	Nữ	28/06/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
7	417220270	Phạm Minh Châu	Nữ	15/04/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
8	417220275	Lê Thị Kim Hằng	Nữ	20/08/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
9	417220279	Hồ Li Na	Nữ	08/03/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
10	417220289	Nguyễn Thị Bích Trâm	Nữ	16/01/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
11	417220268	Phạm Hoài Xuân Bích	Nữ	29/04/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
12	417220281	Phạm Kim Ngân	Nữ	19/12/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
13	417210217	Trần Quỳnh Anh	Nữ	06/05/2003	21CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
14	417220277	Vũ Phan Cẩm Lụa	Nữ	03/07/2004	22CNTL01	Bậc 4 (B2) Thái
15	417200294	Nguyễn Duy Khánh	Nam	22/05/2001	20CNTLCT2	Bậc 4 (B2) Thái
1	416230001	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	23/11/2005	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung
2	4.12153E+11	Võ Thị Trâm	Nữ	15/03/1998	16CNATM03	Bậc 2 (A2) Trung
3	411170740	Nguyễn Nhật Lam Uyên	Nữ	23/10/1999	17CNA12	Bậc 2 (A2) Trung
4	412170724	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	14/04/1999	17CNADL01	Bậc 2 (A2) Trung
1	411220148	Nguyễn Lê Diệu Thúy	Nữ	29/03/2004	22CNA04	Bậc 3 (B1) Trung
2	412220278	Lê Thị Linh Linh	Nữ	08/11/2004	22CNATMCLC04	Bậc 3 (B1) Trung
3	416220055	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	13/11/2004	22CNDPH01	Bậc 3 (B1) Trung
4	419220048	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	Nữ	05/03/2004	22SPP01	Bậc 3 (B1) Trung
5	411220176	Trần Thị Ngọc Nhi	Nữ	18/06/2004	22CNA05	Bậc 3 (B1) Trung
6	411220596	Phạm Nguyên Hoàng	Nam	20/12/1998	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung
7	411220598	Bùi Thị Phương Nhung	Nữ	30/12/1983	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung
8	411220601	Trịnh Sử Trường Thi	Nam	28/08/1986	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung
9	411220597	Võ Thị Thuý Ngân	Nữ	10/04/1992	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung
10	411220590	Đặng Nguyễn Hiền Giang	Nữ	19/01/1987	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung
11	411220592	Nguyễn Thị Hào	Nữ	16/09/1995	22BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung